

Số: /TB-STNMT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản
thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản
(Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh,
huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, diện tích mỏ: 5,4 ha)

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ
Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Thực hiện Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác
khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện
Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, diện tích mỏ 5,4 ha;

Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa thông báo lựa chọn tổ chức đấu
giá tài sản thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi nêu trên gồm
các nội dung sau:

1. Người có tài sản đấu giá: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

2. Thông tin về mỏ đấu giá:

a) Thông tin về mỏ đấu giá:

- Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện
Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Diện tích mỏ: 5,4 ha

- Tài nguyên dự báo: 2.000.000 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Giá khởi điểm để đấu giá được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền
khai thác khoáng sản (R): R = 3%.

- Bước giá để đấu giá: 0,05%.

b) Hình thức, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

3. Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

a) Các tổ chức đấu giá tài sản phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định tại
khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm
2016; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư
pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

b) Nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc
đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

- Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.
- Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định, gồm: Có trụ sở chính tại tỉnh Thanh Hóa, đã thực hiện đấu giá thành quyền khai thác khoáng sản.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
(*Cụ thể theo Phụ lục gửi kèm*).

c) Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

4. Thành phần hồ sơ đăng ký tham gia:

- Văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản (bản chính);
- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (bản chính);
- Hồ sơ năng lực pháp lý kèm theo: thành phần hồ sơ cung cấp đầy đủ theo các tiêu chí quy định tại phụ lục kèm theo Thông báo này (*Trường hợp tổ chức đấu giá tài sản cung cấp thiếu hồ sơ chứng minh sẽ không được chấm điểm tại các tiêu chí tương ứng; trường hợp tổ chức đấu giá tài sản cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ thì người có tài sản từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ*).

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ:

- Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện (hồ sơ phải được gửi đến Bộ phận Văn thư, Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa trong thời hạn nộp hồ sơ).

- Địa chỉ số 14, đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá trong thời hạn 05 ngày làm việc (trong giờ hành chính) kể từ ngày đăng thông báo.

Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các tổ chức đấu giá tài sản có hồ sơ không được lựa chọn.

Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản biết và mong nhận được sự hợp tác.

(*Gửi kèm Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa*)

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở (B/c);
- Công TTĐTQG về đấu giá tài sản (Đăng/t);
- Trung tâm CNTT (Đăng/t);
- Lưu: VT, KS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Văn Hoàn

PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
Theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022
của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản
(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày tháng năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa)

| TT | Nội dung | Mức tối đa |
|-----------|--|-------------|
| I | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá | 23,0 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11,0 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6,0 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện | 5,0 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8,0 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4,0 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá | 4,0 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động | 2,0 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 1,0 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá | 1,0 |
| II | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án) | 22,0 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan | 4,0 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao | 4,0 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã | 4,0 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá | 4,0 |

| | | |
|------------|---|-------------|
| 5 | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i> | 3,0 |
| 6 | <i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i> | 3,0 |
| III | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 45,0 |
| 1 | <i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i> | 6,0 |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i> | 2,0 |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i> | 3,0 |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i> | 4,0 |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i> | 5,0 |
| 1.5 | <i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i> | 6,0 |
| 2 | <i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i> | 18,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i> | 10,0 |
| 2.2 | <i>Từ 20%) đến dưới 40%</i> | 12,0 |
| 2.3 | <i>Từ 40% đến dưới 70%</i> | 14,0 |
| 2.4 | <i>Từ 70% đến dưới 100%</i> | 16,0 |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i> | 18,0 |
| 3 | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i> | 5,0 |

| | | |
|-----------|--|------------|
| 3.1 | <i>Dưới 03 năm</i> | 3,0 |
| 3.2 | <i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i> | 4,0 |
| 3.3 | <i>Từ 05 năm trở lên</i> | 5,0 |
| 4 | <i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i> | 3,0 |
| 4.1 | <i>01 đấu giá viên</i> | 1,0 |
| 4.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i> | 2,0 |
| 4.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i> | 3,0 |
| 5 | <i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i> | 4,0 |
| 5.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i> | 2,0 |
| 5.2 | <i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i> | 3,0 |
| 5.3 | <i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i> | 4,0 |
| 6 | <i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i> | 5,0 |
| 6.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i> | 2,0 |
| 6.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i> | 3,0 |
| 6.3 | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i> | 4,0 |
| 6.4 | <i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i> | 5,0 |
| 7 | <i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i> | 3,0 |
| 7.1 | <i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i> | 2,0 |
| 7.2 | <i>Từ 03 nhân viên trở lên</i> | 3,0 |
| 8 | <i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i> | 1,0 |
| IV | <i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i> | 5,0 |
| 1 | <i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i> | 3,0 |

| | | |
|---------------------|--|---------------------------|
| 2 | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 4,0 |
| 3 | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5,0 |
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5,0 |
| 1 | <i>Có trụ sở chính tại tỉnh Thanh Hóa</i> | 4,0 |
| 2 | <i>Đã thực hiện đấu giá thành quyền khai thác khoáng sản</i> | 1,0 |
| Tổng số điểm | | 100 |
| VI | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1 | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | <i>Đủ điều kiện</i> |
| 2 | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i> | <i>Không đủ điều kiện</i> |